

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 23/7/2024  
“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đăng Anh Việt.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Đình Hưng và bà Phạm Thị Sâm.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 175/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Anh T, sinh năm 1976;  
Địa chỉ: 111/39 H, tổ dân phố 6A, phường T, thành phố B, tỉnh ĐL.  
Có mặt tại phiên tòa.
- Bị đơn: Chị Trương Thị L, sinh năm 1979;  
Địa chỉ: Thôn Ia Đào, xã Ia Nan, huyện Đ, tỉnh G.  
Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Đỗ Anh T trình bày:**

Anh Đỗ Anh T và chị Trương Thị L có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/8/2011.

Trong quá trình chung sống, giữa anh T và chị L phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không có hạnh phúc. Anh T và chị L đã sống ly thân khoảng 10 năm nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, vợ

chồng không còn quan tâm, hỏi thăm gì tới nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Đỗ Anh T khai không có nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn chị Trương Thị L không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Đỗ Anh T và chị Trương Thị L là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh T và chị L phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, anh T có đơn xin ly hôn, chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, anh T không còn yêu thương chị L, không còn mong muốn chung sống cùng chị L nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đề không có nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Đỗ Anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị L có địa chỉ tại thôn Ia Dao, xã Ia Nan, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Anh T và chị Trương Thị L trải qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình chung sống với chị L, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị L.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng anh T và chị L không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, anh T không còn yêu thương chị L, không còn mong muốn chung sống cùng chị L nữa. Như vậy, anh T và chị L đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải, lấy lời khai, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì. Điều đó thể hiện chị L không còn quan tâm tới quan hệ hôn nhân với anh T, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, anh T yêu cầu ly hôn với chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh T khai không có con chung, tài sản chung, nợ chung. Chị L không có ý kiến gì về con chung, tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Đỗ Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự;
- Các Điều 9, 19, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Anh T được ly hôn với chị Trương Thị L.

2. Về án phí: Buộc anh Đỗ Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007666, ngày 03/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Anh T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 23/7/2024, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đặng Anh Việt**